TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/HS-ST
Ngày 22-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn

Ông Lương Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2025/HSST ngày 21 tháng 03 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2025/QĐXXST-HS ngày 09/5/2025; đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1986 tại Hải Phòng; tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nơi tạm trú: tổ dân phố N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L1 (đã chết) có chồng là: Phan Văn Quyết sinh năm 1987 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 27/11/2024 đến ngày 30/11/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lường Thị C, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản C, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Chị Vi Thị Minh C1, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản Lốc, xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An

3. Nguyễn Chí Q, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 45 phút ngày 26/11/2024, tại Quán C2 "Bi Bi 86" có địa chỉ tại tổ dân phố N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang do Nguyễn Thị L- sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang làm chủ; Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thị xã V, tỉnh Bắc Giang phát hiện, bắt quả tang đối với Nguyễn Thị L đã có hành vi "Chứa mại dâm" tại phòng số 2 và số 5 của Quán C2 "Bi Bi 86" có 02 cặp đôi đang thực hiện hành vi mua bán dâm, cụ thể: Tại phòng số 2: Người bán dâm là Lường Thị C- sinh năm 1982, trú tại bản Che Phai, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và người mua dâm là Nguyễn Chí Q- sinh năm 1998, trú tại tổ dân phố K, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Tại phòng 5: Người bán dâm là Vi Thị Minh C1- sinh năm 2005, trú tại bản Lốc, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An và người mua dâm tự khai là Nguyễn Đức H- sinh năm 1999, trú tại thôn T, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; vật chứng thu tại phòng số 2 , số E mỗi phòng gồm 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su đã bị xé (Tất cả vật chứng trên đã được niêm phong trong phong bì dán kín theo quy định). Quá trình bắt quả tang, Nguyễn Thị L tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, số Imei: 354773348803465 được niêm phong theo quy định.

Cùng ngày 26/11/2024, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị L tại tổ dân phố N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang thu giữ số tiền 3.650.000 đồng tại túi xách của L để tại phòng khách (trong đó có 700.000 đồng là tiền khách trả tiền mua dâm).

Ngày 27/11/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho Vi Thị Minh C1 và Lường Thị C nhận dạng qua ảnh người đã bảo đi bán dâm ngày 26/11/2024. Kết quả Vi Thị Minh C1 và Lường Thị C đều nhận được tại ảnh số 2 là Nguyễn Thị L- Chủ quán C2 "Bi Bi 86" đã nhận tiền của khách và bảo đi vào phòng bán dâm cho khách tại quán.

Ngày 27/11/2024, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra chiếc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của bị can L. Kết quả không phát hiện thông tin gì liên quan đến tội phạm.

Tại cơ quan điều tra, bị can Nguyễn Thị L và người mua bán dâm đều khai nhận hành vi chứa mại dâm như sau: Từ năm 2023, Nguyễn Thị L thuê căn nhà địa chỉ tại tổ dân phố N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang của ông Đỗ Trọng Đ- sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang có lập hợp đồng mục đích kinh doanh tự do. Đầu tháng 11/2024, do không có việc làm ổn định nên Nguyễn Thị L mở quán C2 "Bi Bi 86" để kinh doanh dịch vụ tẩm quất, massager cho khách, L cải tạo làm vách ngăn chia thành 05 phòng, được đánh số

từ 1 đến 4, phòng số 5 không đánh số, mỗi phòng đều có một giường đơn để làm nơi tẩm quất, massage cho khách. Từ đầu tháng 11/2024, lần lượt có Vi Thị Minh C1; Lường Thị C; Lò Thị L2- sinh năm 1999, trú tại bản Lướt, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La và Đặng Thị L3- sinh năm 1993, trú tại thôn Í, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai đến gặp Nguyễn Thị L xin làm nhân viên tẩm quất, massage cho khách và được L đồng ý. Tại đây, Nguyễn Thị L thỏa thuận với các nhân viên được ở tại quán, không mất tiền ăn, tiền ở, L là người đứng ra thu tiền của khách đến tẩm quất, massage với giá là 350.000 đồng/1 lượt/1 người/30 phút (không có quan hệ tình dục); sau khi tẩm quất, massage cho khách xong thì được hưởng 175.000 đồng cho mỗi lượt khách, thanh toán ngay sau khi phục vụ khách. Trong quá trình kinh doanh, Nguyễn Thị L thấy khách đến tẩm quất, massage ngày càng ít, thỉnh thoảng có khách đến quán không sử dụng dịch vụ tẩm quất, massage mà hỏi mua dâm, nhận thấy có thể lợi dụng việc này để thu lời nên sáng ngày 26/11/2024, L đã nói với Vi Thị Minh C1, Lường Thị C nếu khách đến quán có nhu cầu mua dâm thì bán dâm cho khách tại các phòng kiếm thêm thu nhập, mỗi lần bán dâm cho khách thu tiền 350.000 đồng/1 lượt/1 người (chỉ quan hệ tình dục, không tẩm quất, masage), sau khi bán dâm xong thì L sẽ chia cho mỗi nhân viên hưởng 175.000 đồng cho 1 lần bán dâm cho khách, thanh toán ngay sau khi bán dâm và được Vi Thị Minh C1; Lường Thị C đồng ý bán dâm. Nguyễn Thị L mua sẵn các bao cao su để vào trong 05 phòng để cho các nhân viên sử dụng khi bán dâm.

Khoảng 22 giờ 30 ngày 26/11/2024, Nguyễn Chí Q- sinh năm 1998, trú tại: tổ dân phố K, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang và bạn mới quen biết ngoài xã hội tự khai là Nguyễn Đức H- sinh năm 1999, trú tại thôn T, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang rủ nhau mỗi người góp tiền 350.000 đồng đến Quán C2 "Bi Bi 86" để mua dâm. Khi vào đến phòng khánh của quán, Nguyễn Chí Q, Nguyễn Đức H gặp Nguyễn Thị L đang ở Quán C2 "Bi Bi 86" cùng với bốn nhân viên Vi Thị Minh C1, Lường Thị C, Lò Thị L2, Đặng Thị L3. Quyền hỏi L "Có nhân viên không, cho hai em" tức là có người bán dâm không, hỏi mua dâm cho Q và H; thấy có khách đến mua dâm, L trả lời "có" và chỉ vào C, C nhân viên bán dâm đang ngồi ở ghế tại phòng khách; Quyền tiếp tục hỏi giá tiền mua dâm thì L trả lời "Ba trăm rưỡi một người". Ngay tại đó, Q đưa cho L số tiền 700.000 đồng (gồm 03 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng), L cầm số tiền 700.000 đồng cất vào trong chiếc túi xách tay màu xanh, rồi để chiếc túi ở phòng khách; Q và C đi vào phòng số 2 để mua bán dâm, H và C1 đi vào phòng số 5 để mua bán dâm. Khoảng 22 giờ 35 phút cùng ngày, Q và C đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 2, H và C1 đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng 5 thì bị Tổ công tác Công an thị xã V, tỉnh Bắc Giang phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng liên quan.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 64/CT-VKSYD ngày 18/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua tranh tụng tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự và đề nghị:

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Chứa mại dâm" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm b, điểm c, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su bị xé đã được niêm phong trong phong bì dán kín;

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: số tiền 700.000 đồng thu giữ của bị cáo;

+ Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số imei: 354773348803465 và số tiền 2.950.000 đồng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo hiện nay có hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, một mình bị cáo nuôi con nhỏ, bố mẹ bị cáo đã chết không còn ai nên bị cáo đề nghị Hồi đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa sai và được cải tạo tại địa phương, có điều kiện để chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời

gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ và được lưu trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên toà bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ để kết luận:

Từ năm 2023, Nguyễn Thị L thuê căn nhà của ông Đỗ Trọng Đ- sinh năm 1968 ở tổ dân phố N, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang để kinh doanh tự do. Đầu tháng 11/2024, do không có việc làm ổn định nên Nguyễn Thị L cải tạo làm vách ngăn chia thành 05 phòng mở Quán C2 "Bi Bi 86" để kinh doanh dịch vụ tẩm quất, massager cho khách, quá trình kinh doanh không có khách nên L đã sử dụng quán C2 để chứa mại dâm mục đích thu lợi. Khoảng 22 giờ 35 phút ngày 26/11/2024, Nguyễn Thị L đã có hành vi cho người bán dâm là Lường Thị C- sinh năm 1982, trú tại bản Che Phai, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên bán dâm cho Nguyễn Chí Q- sinh năm 1998, trú tại tổ dân phố K, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang tại phòng số 2 và cho người bán dâm là Vi Thị Minh C1- sinh năm 2005, trú tại bản Lốc, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An bán dâm cho đối tượng tự khai là Nguyễn Đức H- sinh năm 1999, trú tại thôn T, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang tại phòng số 5 của Quán C2, L đã thu lợi bất chính số tiền 700.000 đồng thì bị Tổ công tác Công an thị xã V phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng liên quan.

Vì vậy, Cáo trạng số 64/CT-VKSYD ngày 18/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã khai báo thành khẩn, quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo có bố đẻ tham gia phục vụ trong quân ngũ được Nhà nước tặng thưởng Bằng khen và Huy chương chiến sĩ vẻ vang; bị cáo có ông nội tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo có bà nội tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, HĐXX thấy cần áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách phòng chống tệ nạn xã hội, trật tự an toàn xã hội, thuần phong mỹ tục của dân tộc và là tác nhân gây ra nhiều căn bệnh xã hội nguy hiểm.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên cần có hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; quá trình sinh sống, học tập, lao động tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của địa phương; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện bị cáo là lao động chính, một mình nuôi con nhỏ; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật. Đề nghị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với chính sách khoan hồng của Nhà nước được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTPngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên cần chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích thu lợi bất chính nên HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên mức phạt bổ sung bằng tiền theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hơi cao. Trong vụ án này, bị cáo thu lợi bất chính số tiền chưa lớn nên HĐXX xét thấy cần xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 10.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với người mua dâm tự khai là Nguyễn Đức H, sinh năm 1999; trú tại: thôn T, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra lợi dụng sơ hở đối tượng H đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Công an xã V, thị xã V nhưng không xác định được người nào có họ tên, địa chỉ như đối tượng khai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thị xã V tách ra để tiếp tục điều tra và xử lý sau nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

Đối với ông Đỗ Trọng Đ là người cho Nguyễn Thị L thuê nhà để kinh doanh tự do. Quá trình điều tra xác định khi cho thuê nhà ông Đ không biết việc L sử dụng để chứa mại dâm nên ông Đ không vi phạm pháp luật, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã V không xem xét trách nhiệm hình sự với ông Đ là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với Nguyễn Chí Q, Vi Thị Minh C1, Lường Thị C đã có hành vi mua bán dâm tại Quán C2 "Bi Bi 86" đã vi phạm khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 25 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội. Ngày 28/02/2025, Công an thị xã V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính xử phạt 1.500.000 đồng đối với Q, xử phạt đối với C1 và C mỗi người 400.000 đồng là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX thấy:

- Đối với 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su đã bị xé (được niêm phong trong phong bì dán kín) không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 700.000 đồng thu của Nguyễn Thị L, đây là số tiền thu lợi bất chính của Đ1 có được từ việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số imei: 354773348803465 và số tiền 2.950.000 đồng là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Chứa mại dâm"nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho UBND phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 10.000 000đ (mười triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su đã bị xé (được niêm phong trong phong bì dán kín).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ Số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

- Trả lại Nguyễn Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone số imei: 354773348803465 và số tiền 2.950.000đ (hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/4/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Tấn **Lương Thanh Văn** **Nguyễn Linh Chi**